

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

Số: 52/2022/QĐST- HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Văn Giang, ngày 23 tháng 08 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 4; Điều 6; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 54/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 08 năm 2022 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1984

HKTT, hiện trú tại: Thôn PD, xã TL, huyện VG, tỉnh HY

- Chị **Chu Thị N**, sinh năm 1989

HKTT: Thôn PD xã TL, huyện VG, tỉnh HY

Hiện trú tại: Thôn CL 1, thị trấn VG, huyện VG, tỉnh HY

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Con chung của anh T và chị N):

- Cháu **Lê Hoàng A**, sinh ngày: 19/9/2011

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Hoàng A: Anh Lê Văn T

- Cháu **Lê Thị Yên T1**, sinh ngày: 29/6/2015

Người đại diện theo pháp luật cho cháu T1: Chị Chu Thị N

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Chu Thị N kết hôn trên tinh thần cả hai bên đều tự nguyện, đăng ký tại UBND xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên vào ngày 16/12/2010. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra xung đột cãi vã do tính cách bất đồng, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, trong việc nuôi dạy con cái, hai bên gia đình đã động viên, khuyên nhủ nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện và ngày càng trầm trọng. Nay anh T và chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của T và chị N là chính đáng, có căn cứ và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh T và chị N.

[2] Về con chung: Anh Lê Văn T và chị Chu Thị N đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Hoàng A sinh ngày 19/9/2011 và cháu Lê Thị Yến T1 sinh ngày 29/6/2015, cả hai cháu ở với chị N từ khi vợ chồng ly thân đến nay.

Ly hôn, anh T và chị N thỏa thuận giao cháu Hoàng A cho anh T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Yến T1 cho chị N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T và chị N không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

[3] Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức của hai vợ chồng: Anh Lê Văn T và chị Chu Thị N đều xác nhận không có gì liên quan và không yêu cầu giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị Chu Thị N tự nguyện nộp tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Chu Thị N thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Lê Văn T và chị Chu Thị N đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Hoàng A sinh ngày 19/9/2011 và cháu Lê Thị Yến T1 sinh ngày 29/6/2015, cả hai cháu ở với chị N từ khi vợ chồng ly thân đến nay.

Ly hôn, anh T và chị N thỏa thuận: Giao cháu Hoàng A cho anh T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Yến T1 cho chị N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T và chị N không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Sau khi ly hôn, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở anh T và chị N thăm nom con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung và nợ chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức của hai vợ chồng: Anh Lê Văn T và chị Chu Thị N đều xác nhận không có gì liên quan và không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Chu Thị N tự nguyện nộp 300.000đ tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010705 ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang, chị N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Thẩm phán

Bùi Vũ Thu Giang